

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch
Đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu hậu cần nghề cá,
phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 và Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 223/TB-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về kết luận của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian thuê đất và các nội dung có liên quan đối với Khu quy hoạch hậu cần nghề cá (Đảo 1A, Bắc sông Hà Thanh, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 10/TTr-SXD ngày 14/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu hậu cần nghề cá, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn.

2. Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch: Thuộc phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn. Ranh giới như sau:

- Hướng Bắc giáp: Sông Hà Thanh;
- Hướng Đông giáp: Đường đất;
- Hướng Nam giáp: Đường vào khu hậu cần nghề cá;
- Hướng Tây giáp: Đường Võ Nguyên Giáp.

Diện tích khu đất khoảng 3.010,78m².

3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:

- Tạo quỹ đất để xây dựng công trình dịch vụ thương mại hỗn hợp (nhà hàng, khách sạn), công viên cây xanh và hạ tầng kỹ thuật khác phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội hiện nay.

- Làm cơ sở pháp lý để lập dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Yêu cầu quy hoạch: Căn cứ theo Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, bao gồm:

a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, các nội dung của các đồ án có liên quan đã được phê duyệt.

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất của khu vực quy hoạch, hạ tầng xã hội và đấu nối hạ tầng kỹ thuật cho các khu vực quy hoạch.

c) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định chức năng khu quy hoạch, chỉ tiêu mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình. Quy hoạch xây dựng công trình dịch vụ thương mại hỗn hợp (khách sạn) và công viên cây xanh kết hợp bãi đỗ xe; các chỉ tiêu về sử dụng đất phù hợp theo quy định.

d) Xác định chiều cao công trình, cốt sàn và chiều cao tầng một hoặc phần đế công trình cao tầng; hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác; tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn trong khu vực lập quy hoạch chiếm tỷ lệ tối thiểu 20%.

đ) Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Xác định cốt xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà đỗ xe, công viên cây xanh, công trình khách sạn, sân bãi, sân đường nội bộ.

- Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng.

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết.

- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí quy mô các trạm điện phân phối, mạng lưới đường dẫn và chiếu sáng.

- Xác định nhu cầu và công trình hạ tầng viễn thông.

- Xác định lượng nước thải, chất thải rắn; mạng lưới thoát nước, vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn.

e) Sơ bộ xác định nhu cầu vốn và đề xuất nguồn lực đầu tư xây dựng.

g) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt.

5. Thành phần hồ sơ đồ án: Thực hiện theo quy định tại Điều 18, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

6. Dự toán chi phí lập quy hoạch: 49.761.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng*). Trong đó:

Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	2.849.000 đồng
Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	569.000 đồng
Chi phí khảo sát địa hình	14.117.000 đồng
Chi phí thiết kế quy hoạch	21.671.000 đồng
Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	2.423.000 đồng
Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	2.088.000 đồng
Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	394.000 đồng
Chi phí công bố quy hoạch	650.000 đồng
Chi phí đưa mốc giới ra thực địa	5.000.000 đồng

7. Nguồn vốn: Vốn Ngân sách tỉnh.

8. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành đồ án quy hoạch trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này làm căn cứ để lập đồ án quy hoạch theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức lập đồ án quy hoạch, thẩm định, trình phê duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K4, K14.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng